

TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG NGÂN HÀNG ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

TS. Nguyễn Đình Luận

Đại học Sài Gòn

Do ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua cũng như cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu hiện nay, quá trình tái cơ cấu hệ thống kinh tế - tài chính nói chung và ngân hàng nói riêng trên toàn cầu nhằm khắc phục những khiếm khuyết của hệ thống này đã và đang diễn ra quyết liệt. Các ngân hàng Việt Nam trong thời gian qua tuy đã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng dịch vụ song đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết. Việc tái cơ cấu ngân hàng Việt Nam là cần thiết, một mặt để chúng ta tăng trưởng bền vững, mặt khác để chúng ta có cơ hội thu hút các ngân hàng quốc tế lớn, các nhà đầu tư chiến lược, thành các cổ đông của các ngân hàng Việt Nam, và qua đó giúp hiện đại hóa các ngân hàng Việt Nam.

Từ khóa: ngân hàng, tái cấu trúc, tăng trưởng tín dụng

1. Thực trạng về hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong thời gian qua

Hệ thống ngân hàng có hai chức năng chính: là tổ chức trung gian điều phối dòng vốn trong xã hội và là kênh phục vụ phần lớn hoạt động thanh toán trong nền kinh tế. Trong một thị trường tài chính hiện đại, chức năng thứ nhất của hệ thống ngân hàng lại có thể được chia thành hai thành phần: hoạt động tín dụng truyền thống và hoạt động đầu tư tài chính. Đối với hoạt động tín dụng truyền thống, song song với lợi ích to lớn – có thể tài trợ cho các hoạt động kinh tế lớn hơn nhiều lần vốn của nó, các ngân hàng phải đối mặt với rủi ro khủng hoảng thanh khoản do người gửi tiết kiệm rút tiền đồng loạt, nhất là khi nó lan truyền ra toàn bộ hệ thống. Đó chính là lý do tại sao hệ thống ngân hàng thương mại các nước phải chịu sự quản lý chặt chẽ (quy định về dự trữ bắt buộc, tỷ lệ vốn tối thiểu trên tổng tài sản, bảo hiểm tiền gửi bắt buộc) và phải được các ngân hàng trung ương cam kết trợ giúp thanh khoản những lúc khó khăn.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay có khoảng 80 ngân hàng lớn nhỏ. Đó là một con số tương đối lớn so với hệ thống ngân hàng trên thế giới, trong đó có khoảng 30 ngân hàng quốc gia, nhưng các ngân hàng nhỏ cũng rất nhiều. Tuy số ngân hàng nhiều như vậy, nhưng các chỉ tiêu về phát triển ngân hàng lại chưa cao. Cụ thể là hệ số sử dụng tiền mặt trong nền kinh tế cao, tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng thấp, hệ số giao dịch qua ngân hàng chưa cao.

Chỉ trong một thời gian từ khi Pháp lệnh ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính được ban hành ngày 23/5/1990, hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) và công ty tài chính đã tăng đến 179 đơn vị.

Sự tăng nhanh về số lượng cũng kéo theo sự “bùng nổ” về tốc độ tăng trưởng tín dụng trong toàn hệ thống NHTM. Theo các thông tin đã công bố, tính đến ngày 31/12/2010, tổng tài sản trong hệ thống ngân hàng Việt Nam đã lên tới hơn 3,5 triệu tỷ VND (khoảng 175 tỷ USD) và dư nợ cho vay ở mức 125 tỷ USD, tương đương với 120% GDP. Đây là mức dư nợ rất cao và vượt quá qui mô của nền kinh tế. Cần biết rằng, ở một số nước xung quanh có nền kinh tế phát triển hơn Việt Nam như Thái Lan hay Hàn Quốc thì dư nợ chỉ ở mức từ 80%-100%/GDP.

Thực tế Việt Nam đã dùng nhiều tiền hơn để thúc đẩy tăng trưởng nhưng cũng gây rất nhiều hệ lụy cho nền kinh tế trong những năm tiếp theo.

Không chỉ có mức dư nợ/GDP cao, tốc độ tăng trưởng tín dụng ở Việt Nam trong 5 năm trở lại đây cũng là con số “vô cùng ấn tượng”, tín dụng luôn tăng trưởng ở mức trên 20% (xem Bảng 1).

Để đáp ứng tốc độ tăng trưởng tín dụng cao, các NHTM đã mở cuộc “chạy đua” huy động vốn và vấn đề này cũng là một đặc điểm nổi bật trong hoạt động của hệ thống NHTM từ năm 2005 đến nay.

Cuộc chạy đua này không chỉ có NHTM qui mô nhỏ, qui mô trung bình mà cả NHTM qui mô lớn

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng tín dụng từ 2001-2011

Đơn vị tính: tỷ đồng (quy đổi VNĐ)

Năm	Tổng dư nợ cho vay của cả nước	Tỷ lệ tăng (%)
2001	218.815	
2002	285.578	30,51
2003	365.436	27,96
2004	461.334	26,24
2005	553.673	20,01
2006	693.834	25,31
2007	1.067.729	53,88
2008	1.339.263	25,43
2009	1.869.255	39,57
2010	2.475.535	31,39
2011	2.772.599	12,0 (ước)

Nguồn: Ngân hàng NNVN

đều lao vào nhằm huy động vốn và tạo ra “con sốt bất tận” về lãi suất và cạnh tranh thực sự giữa các NHTM với nhau.

Điều này có thể giải thích là do tốc độ tăng trưởng tín dụng năm sau cao hơn năm trước và tài trợ tín dụng “tràn lan” ở một số NHTM... dẫn đến thanh khoản gặp khó và đến “bước đường cùng” một số NHTM đã “nhắm mắt” nâng trần lãi suất huy động, đặc biệt trong việc huy động vốn ngắn hạn.

Thực tế không ít NHTM có vốn huy động ngắn hạn lên đến 70-80% tổng huy động trong khi đó cho vay trung và dài hạn lại chiếm hơn 40% tổng dư nợ. Hay nói cách khác, nhiều NHTM đã phát triển “bung ra” quá khả năng của chính mình và như vậy rủi ro là khó tránh khỏi.

Quan sát tốc độ tăng trưởng tín dụng trong 10 năm từ năm 2001 đến năm 2011 nhận thấy nhiều bất cập trong mối tương quan giữa tốc độ tăng trưởng tín dụng, tốc độ huy động với tăng trưởng GDP (Bảng 2).

Các con số thống kê đều thể hiện khá rõ sự không cân đối giữa 3 chỉ số nêu trên, cụ thể tín dụng tăng trưởng bình quân là 29,4%, huy động tăng 29% nhưng GDP tăng bình quân là 7,15%. Sự mất cân đối giữa các chỉ số nêu trên đã đặt nền kinh tế đứng trước nhiều khó khăn về lạm phát, về hiệu quả đầu tư... và được nhiều chuyên gia liên tục cảnh báo.

Trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay, chúng ta có khoảng 4 triệu hộ kinh doanh, 10 triệu hộ nông dân và khoảng 630 nghìn doanh nghiệp đã đăng ký. Các

hộ kinh doanh và các doanh nghiệp này rất cần những tín dụng nhỏ. Trong khi đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam chỉ phát triển chủ yếu ở các thành phố, chưa phát triển nhiều ở nông thôn. Đây chính là sự phát triển mất cân đối của các ngân hàng Việt Nam hiện nay. Mặt khác, các ngân hàng Việt Nam chưa vươn ra được bên ngoài để thu hút các ngân hàng quốc tế lớn, các nhà đầu tư chiến lược, để họ trở thành cổ đông của các ngân hàng Việt Nam nhằm thu hút được vốn và qua đó giúp hiện đại hóa các ngân hàng Việt Nam.

Trưởng Bộ phận châu Á - Thái Bình Dương của IMF, Ông Masato Miyazaki đã nhận xét rất có lý khi cho rằng “Lí do là tín dụng của ngân hàng Việt Nam, đặc biệt cho các DNNN đã tăng rất nhanh trong vài năm qua. Tỷ lệ tín dụng trên GDP là 125%, hiện cao nhất trong khu vực. Tăng tín dụng quá nhanh trong 1 thời gian quá ngắn sẽ tạo ra nợ xấu. Hiện tỷ lệ nợ xấu công bố chính thức khá thấp, nhưng thị trường cho rằng, con số thật có thể cao hơn thế nhiều”.

Năm 2011, tăng trưởng tín dụng khoảng 12-13%. Đây là mức tăng trưởng tín dụng thấp nhất trong thời gian dài vừa qua (trung bình 5 năm vừa qua là 33,5%, trung bình 10 năm là 29,4%). Thanh khoản VNĐ toàn hệ thống về cơ bản được đảm bảo, các mức lãi suất trên thị trường tiền tệ đã hợp lý hơn...

2. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước

Một trong những khuyến cáo của các nhà tài trợ là Việt Nam phải nhanh chóng tái cấu trúc ngành tài

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng tín dụng và GDP

Năm	Tốc độ huy động (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng tín dụng (%)	Tăng trưởng GDP (%)
2001	218.815		6,89
2002	285.578	30,51	7,08
2003	365.436	27,96	7,34
2004	461.334	26,24	7,79
2005	553.673	20,01	8,44
2006	693.834	25,31	8,23
2007	1.067.729	53,88	8,46
2008	1.339.263	25,43	6,31
2009	1.869.255	39,57	5,32
2010	2.475.535	31,39	6,78
2011	2.772.599	12,0 (ước)	5,8

Nguồn: Ngân hàng NN và Tổng cục thống kê

chính, trong bối cảnh bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài hiện nay.

Tại Hội nghị các nhà tài trợ diễn ra tại Hà Nội ngày 6/12/2011, Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, bà Victoria Kwakwa, nhận định: “Các ngân hàng Việt Nam hiện nay đang không có đủ vốn để cho vay, trong khi đó tỷ lệ nợ xấu và mức độ rủi ro tăng, ảnh hưởng đến nền kinh tế. Cải cách khu vực này là phải giải quyết các vấn đề mang tính cơ cấu, làm sao cho hệ thống ngân hàng Việt Nam có đủ vốn, đáng tin cậy, hoạt động nghiêm túc, giảm nợ xấu và các nguy cơ rủi ro được quản lý trên cơ sở vững chắc”.

Sự kiện hợp nhất 3 ngân hàng SCB, TNB và FCB được coi là bước khởi đầu quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng của NHNN. Phương án hợp nhất ba ngân hàng này đã được thông qua nhanh chóng với tỷ lệ chuyển đổi là 1:1 và ngân hàng mới cũng được lấy tên là SCB. Quá trình hợp nhất này diễn ra nhanh chóng có sự đảm bảo của NHNN, vấn đề thanh khoản của ngân hàng hợp nhất về cơ bản được giải quyết để không gây ra đổ vỡ.

Với sự tham gia của BIDV với tư cách là đại diện phần vốn của NHNN trong quá trình tái cơ cấu ngân hàng hợp nhất, những lo lắng về việc hợp nhất ba ngân hàng yếu sẽ không thể nào cho ra một ngân hàng mới khoẻ mạnh được giải toả. Dự kiến sau khi hợp nhất về quy mô, ngân hàng SCB hợp nhất sẽ có vốn điều lệ mới là 10.584 tỉ đồng, tổng tài sản 153.626 tỉ đồng. Theo đề án hợp nhất vừa công bố thì đến năm 2014, SCB hợp nhất sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ lên đến hơn 16.000 tỉ đồng với tổng tài sản đạt trên 200.000 tỉ và lợi nhuận năm đạt gần 1.900 tỉ đồng.

Việt Nam đã bước sang nhóm các nước thu nhập trung bình thấp và nền kinh tế đứng trước những nhu cầu phát triển mới, việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam là một nhu cầu cần thiết và yêu cầu khách quan của nội tại nền kinh tế. Cần tập trung vào những giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện và đưa vào thực hiện các tiêu chuẩn quản trị mới, các quy định về an toàn và phòng tránh rủi ro theo hướng tiếp cận nhanh thông lệ quốc tế; tăng cường vai trò giám sát của ngân hàng

Tài liệu tham khảo:

1. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng “*Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước*”, tháng 12/2011.
2. Thống đốc ngân hàng Nhà nước Nguyễn Văn Bình “*Cải cách ngân hàng gắn liền với cải cách kinh tế*”, tháng 12/2011.
3. TS. Lê Đăng Doanh “*Bài trả lời phỏng vấn báo RFP*”, tháng 12/2011.

nhà nước trong việc thực hiện các tiêu chuẩn này.

Hai là, xây dựng cơ chế, chính sách để những NHTM có đủ điều kiện phát triển nhanh và cạnh tranh có hiệu quả trong nước và quốc tế; đồng thời, khuyến khích các ngân hàng mở rộng địa bàn hoạt động phục vụ nông nghiệp và nông thôn.

Ba là, thực hiện cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước, nâng cao tiềm lực tài chính, khả năng quản trị, chất lượng các dịch vụ, sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động để ngân hàng thương mại nhà nước thực sự làm nòng cốt trong hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại cả nước.

Bốn là, bổ sung hoàn thiện thể chế để các NHTM cổ phần nâng cao chất lượng quản trị, hoạt động minh bạch, thực sự là ngân hàng đại chúng; quy định mức vốn tối thiểu và lộ trình thực hiện phù hợp với quy mô và địa bàn hoạt động.

Năm là, xây dựng phương án xử lý cụ thể để giảm nhanh các ngân hàng yếu kém kéo dài theo các phương án thích hợp với chi phí ít nhất, bảo đảm an toàn hệ thống, không làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người gửi tiền và xử lý nghiêm những cá nhân có sai phạm.

Sáu là, kiện toàn và phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng ở nông thôn. Việc thành lập mới các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính, kể cả thành lập mới các hợp tác xã tín dụng ở địa bàn nông thôn phải được thẩm định chặt chẽ, theo đúng quy định của pháp luật.

Bảy là, phối hợp có hiệu quả việc cơ cấu lại hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng với việc cơ cấu lại và phát triển mạnh các phân khúc khác các thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, thị trường bảo hiểm và các quỹ đầu tư theo những tiêu chuẩn quản lý phù hợp với thông lệ quốc tế để đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Thực hiện công khai, minh bạch và kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các định chế tài chính này.

Việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam là một việc làm rất lớn và phức tạp, đòi hỏi phải triển khai thực hiện đồng bộ trong tất cả các ngành, lĩnh vực trong nhiều năm và bước đi phải thận trọng, đảm bảo an toàn. □